TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-ST
Ngày: 24/6/2025
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dân An

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trần Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 70/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "***Tranh chấp Hợp đồng Vay tài sản; Hợp đồng góp hụi***". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim Ng, sinh năm 1977. Trú tại: số 39, đường Trần Ph, khu phố Long Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 3/64, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2, Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Trần V, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1979. Trú tại: Số 223, đường Trịnh Phong Đ, ấp Trường Lộc, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vương Sơn H trình bày:***

Bà và vợ chồng ông V, bà Ng là bạn bè quen biết nhiều năm, bà có chơi hụi do bà Tr làm chủ hụi.

Ngày 01/5/2024 Âm lịch (nhằm ngày 06/6/2024 dương lịch), bà Tr ông V có vay tiền của bà số tiền: 200.000.000 (hai trăm triệu đồng); thỏa thuận lãi suất 6%/tháng; mục đích vay chi tiêu trong gia đình việc vay tiền bà Tr có làm giấy mượn tiền cho bà, do bà Tr viết và ký tên; hẹn bà 03 tháng sẽ trả lại tiền đã mượn cho đến nay chị Tr anh V trả 01 lần 12.000.000đồng tiền lãi, do đây là khoản tiền bà Ng vay của bà Lê Thị H, phương thức vay tiền của bà H là lấy tiền lãi trước, tuy nhiên bà Ng ký giấy nợ cho bà H, bà Tr không có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Bà Tr ký giấy nợ cho bà Ng và chuyển khoản đóng tiền lãi 12.000.000đồng ngày 08/5/2024 cho bà Ng, bà Ng trả tiền cho bà H.

Về khoản tiền này bà Tr không đóng tiền lãi cho bà H, bà Ng đã trả hết nợ cho bà H.

Nay bà Ng yêu cầu bà Tr phải trả cho bà số tiền là 200.000.000đồng và tiền lãi theo quy định.

Nguyên trước đây, bà Tr có tham gia 01 dây hụi do bà Ng làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, khui ngày 16/01/2023 mãn ngày 16/4/2025, hụi gồm 29 phần. chị Tr tham gia 02 phần đã hốt hụi xong ngày 16/3/2023. Sau khi chị Tr hốt hết các phần hụi mà chị Tr tham gia; chị Tr có nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho bà nhưng chị Tr ngưng đóng hụi chết các tháng 4,5,6 là 30.000.000đồng đến tháng 7 đóng 7.000.000đồng, dây hụi này bà Tr còn nợ 93.000.000đồng.

Ngoài ra, bà Ng có tham gia 02 dây hụi và mua hụi do bà Tr làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần mở ngày 09/8/2023 DL gồm có: 18 phần; bà tham gia 02 phần đóng được 09 kỳ hụi sống. Bà đóng được số tiền là 61.500.000 Đồng. cụ thể:

Lần 1, kêu 1.200.000đồng, 02 phần đóng 7.600.000đồng. Lần 2, kêu 1.500.000đồng, 02 phần đóng 7.000.000đồng. Lần 3, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 4, kêu 1.700.000đồng, 02 phần đóng 6.600.000đồng. Lần 5, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 6, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 7, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 8, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 9, kêu 1.750.000đồng, 02 phần đóng 6.500.000đồng. Tổng cộng 61.500.000đồng.

Dây thứ 2: Hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần mở ngày 19/8/2023 DL gồm có: 18 phần; bà tham gia 02 phần đóng được 10 kỳ hụi sống. Bà đóng được số tiền là 60.900.000 Đồng. cụ thể: Lần 1, kêu 1.200.000đồng, 02 phần đóng 7.600.000đồng. Lần 2, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 3, kêu 1.500.000đồng, 02 phần đóng 7.000.000đồng. Lần 4, kêu 1.550.000đồng, 02 phần đóng 6.900.000đồng. Lần 5, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần

6, kêu 1.700.000đồng, 02 phần đóng 6.600.000 đồng. Lần 7, kêu 1.750.000 đồng, 02 phần đóng 6.300.000 đồng. Lần 8, kêu 1.800.000 đồng, 02 phần đóng 6.400.000 đồng. Lần 9, kêu 1.650.000 đồng, 02 phần đóng 6.600.000 đồng. Tổng cộng 60.900.000 đồng.

Bà Tr bán cho bà mua một phần hụi sống 5.000.000 đồng, khui ngày 19/8/2023 bà Ng giao cho bà Tr với số tiền 76.200.000 đồng. Khoảng tháng 7/2024, kêu Tr tuyên bố bể hụi và ngưng hụi. Bà Tr còn nợ bà Ng số tiền 76.200.000đồng, không tính tiền lời của hụi.

Bà Ng tham gia dây hụi 1.000.000đồng, hụi 24 phần, ngày 19/8/2023 đứng tên bà Ng chơi 03 phần và hốt và giao cho bà Tr tổng cộng 03 phần, bà Tr còn nợ 10 kỳ hụi chết là 30.000.000đồng. Cụ thể: lần 1, hốt ngày 19/4/2024 hốt được 19.250.000đồng; lần 2 hốt ngày 19/5/2024 hốt được 18.800.000đồng; lần 3 ngày 19/6/2024 hốt được 17.750.000đồng.

Bà Tr có trả cho bà số tiền 7.600.000 đồng tiền hụi, nên tổng cộng bà Tr, ông V phải trả cho bà Ng số tiền là 514.000.000 đồng.

Bà Ng yêu cầu tính lãi tiền vay 200.000.000 đồng theo quy định, không yêu cầu tính lãi tiền hụi đã hốt.

Chứng cứ là giấy mượn tiền và các nội dung trao đổi qua zalo với bà Tr, nội dung chuyển khoản của bà Tr với bà Ng.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr vắng mặt không trình bày ý kiến.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhân dân đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ng đối với ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr. Buộc Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định và tiền nợ hụi 314.000.000 đồng.

Xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hải có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về tiền vay: xét thấy bà Ng và vợ chồng ông V, bà Ng là bạn bè quen biết nhiều năm, bà có chơi hụi do bà Tr làm chủ hụi.

Ngày 01/5/2024 Âm lịch (nhằm ngày 06/6/2024 dương lịch), bà Tr ông V có vay tiền của bà Ng số tiền: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thỏa thuận miệng bên ngoài lãi suất 6%/tháng; trong giấy nợ không thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời gian trả nợ, mục đích vay chi tiêu trong gia đình việc vay tiền bà Tr có làm giấy mượn tiền cho bà, do bà Tr viết và ký tên; hẹn bà 03 tháng sẽ trả lại tiền đã mượn cho đến nay bà Tr ông V trả 01 lần 12.000.000 đồng tiền lãi chuyển khoản (do đây là khoản tiền bà Ng vay của bà Lê Thị H, phương thức vay tiền của bà H là lấy tiền lãi trước, tuy nhiên bà Ng ký giấy nợ cho bà H, bà Tr không có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Bà Tr ký giấy nợ cho bà Ng và chuyển khoản đóng tiền lãi 12.000.000 đồng ngày 08/5/2024 cho bà Ng, bà Ng trả tiền cho bà H).

Về khoản tiền này bà Tr không đóng tiền lãi cho bà H, bà Ng đã trả hết nợ cho bà H. Nay bà Ng yêu cầu bà Tr phải trả cho bà số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

[2.2] Về tiền lãi vay:

Bà Ng cung cấp chứng cứ bà Tr đóng tiền lãi 6%/tháng là 12.000.000 đồng, đây là mức lãi suất thỏa thuận cao hơn quy định nên điều chỉnh lại là 1,67%/tháng theo quy định nên căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính như sau:

Tiền vốn 200.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 42.084.000 đồng. Bà Tr đã trả được 12.000.000đồng tiền lãi, nên tiền lãi còn nợ là 30.084.000đồng.

Tổng tiền vay ông V, bà Tr còn nợ bà Ng là 230.084.000 đồng.

[2.3] tranh chấp hợp đồng góp hụi

Nguyên trước đây, bà Tr có tham gia 01 dây hụi do bà Ng làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 16/01/2023 mãn ngày 16/4/2025, hụi gồm 29 phần. Bà Tr tham gia 02 phần đã hốt hụi xong ngày 16/3/2023. Sau khi chị Tr hốt hết các phần hụi mà bà Tr tham gia; bà Tr có nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho bà nhưng bà Tr ngưng đóng hụi chết các tháng 4,5,6 là 30.000.000 đồng đến tháng 7 đóng 7.000.000 đồng, dây hụi này bà Tr còn nợ 93.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ng có tham gia 02 dây hụi và mua hụi do bà Tr làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần mở ngày 09/8/2023 DL gồm có: 18 phần; bà tham gia 02 phần đóng được 09 kỳ hụi sống. Bà đóng được số tiền là 61.500.000 đồng. cụ thể: Lần 1, kêu 1.200.000 đồng, 02 phần đóng 7.600.000 đồng. Lần 2, kêu 1.500.000 đồng, 02 phần đóng 7.000.000 đồng. Lần 3, kêu 1.600.000 đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 4, kêu 1.700.000đồng, 02 phần đóng 6.600.000đồng. Lần 5, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 6, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 7, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 8, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 9, kêu 1.750.000đồng, 02 phần đóng 6.500.000đồng. Tổng cộng 61.500.000đồng.

Dây thứ 2: Hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần mở ngày 19/8/2023 DL gồm có: 18 phần; bà tham gia 02 phần đóng được 10 kỳ hụi sống. Bà đóng được số tiền là 60.900.000 đồng. cụ thể: Lần 1, kêu 1.200.000 đồng, 02 phần đóng 7.600.000 đồng. Lần 2, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.700.000đồng. Lần 3, kêu 1.500.000đồng, 02 phần đóng 7.000.000đồng. Lần 4, kêu 1.550.000đồng, 02 phần đóng 6.900.000đồng. Lần 5, kêu 1.600.000đồng, 02 phần đóng 6.800.000đồng. Lần 6, kêu 1.700.000đồng, 02 phần đóng 6.600.000đồng. Lần 7, kêu 1.750.000đồng, 02 phần đóng 6.300.000đồng. Lần 8, kêu 1.800.000đồng, 02 phần đóng 6.400.000đồng. Lần 9, kêu 1.650.000đồng, 02 phần đóng 6.600.000đồng. Tổng cộng 60.900.000đồng.

Bà Trang bán cho bà mua một phần hụi sống 5.000.000 đồng, khui ngày 19/8/2023 bà Ng giao cho bà Tr với số tiền 76.200.000 đồng. Khoảng tháng 7/2024, kêu Tr tuyên bố bể hụi và ngưng hụi. Bà Tr còn nợ bà Ng số tiền 76.200.000đồng, không tính tiền lời của hụi.

Bà Ng tham gia dây hụi 1.000.000đồng, hụi 24 phần, ngày 19/8/2023 đứng tên bà Ng chơi 03 phần và hốt và giao cho bà Tr tổng cộng 03 phần, bà Tr còn nợ 10 kỳ hụi chết là 30.000.000đồng. Cụ thể: lần 1, hốt ngày 19/4/2024 hốt được 19.250.000đồng; lần 2 hốt ngày 19/5/2024 hốt được 18.800.000đồng; lần 3 ngày 19/6/2024 hốt được 17.750.000đồng.

Tổng cộng bà Tr, ông V còn nợ, phải trả cho bà Ng số tiền hụi là 314.000.000 đồng. Chứng cứ là giấy mượn tiền và các nội dung trao đổi qua zalo với bà Tr, nội dung chuyển khoản của bà Tr với bà Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr ông V không đến tòa, không trình bày ý kiến, tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến tòa xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ng đối với ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr.

Buộc Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả tiền vốn vay còn nợ là 230.084.000 (Hai trăm, ba mươi triệu, không trăm, tám mươi bốn nghìn) đồng (trong đó tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 30.084.000 đồng)

Buộc Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả tiền tiền nợ hụi là 314.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim Ng không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ng đối với ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr.

Buộc ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả tiền vốn vay còn nợ là 230.084.000 (Hai trăm, ba mươi triệu, không trăm, tám mươi bốn nghìn) đồng (trong đó tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 30.084.000 đồng)

Buộc ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải trả tiền tiền nợ hụi là 314.000.000 (Ba trăm, mười bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày 25/6/2025, nếu ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Phạm Thị Kim Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.984.000 (Mười triệu, chín trăm, tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008266, ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho Phạm Thị Kim Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.056.000 (Hai triệu, không trăm, năm mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008646, ngày 22/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Đăng Trần V, bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu số tiền là 25.763.360 (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm, sáu mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Dương Thị Ánh Nhung